| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN DƯƠNG**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 78/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoàng Viết Toàn

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đào Mai Anh, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Q, nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 5 năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh Q tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm, đánh cãi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trung N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2014, ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không có quan điểm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy báo, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và về vấn đề con chung. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 5 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu

thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do và cũng không có quan điểm, điều đó thể hiện anh Q không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Q là có căn cứ cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung là Nguyễn Trung N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung do chị N nuôi dưỡng, hiện tại chị N có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con. Anh Q không có quan điểm về con chung, do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị N và giao con chung Nguyễn Trung N cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu, anh Quyền không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Do chị N không yêu cầu và anh Nguyễn Văn Q không có quan điểm về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

*Vì các lẽ trên*:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trung N, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015330 ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm), ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã A, huyện A, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Liên**